

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành tiêu chí đánh giá, chấm điểm kết quả thực hiện  
Chỉ thị số 15-CT/TU ngày 28/12/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy  
và Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 11/01/2017 của  
Ủy ban nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Chỉ thị số 15-CT/TU ngày 28/12/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tăng cường công tác quản lý trật tự xây dựng và vệ sinh môi trường tại các đô thị, khu dân cư, trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;*

*Căn cứ Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 11/01/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc hành động cải thiện cảnh quan, môi trường; chỉnh trang đô thị; đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; lập lại trật tự, an toàn giao thông và tổ chức Đợt hoạt động cao điểm chào mừng 25 năm tái lập tỉnh Trà Vinh (5/1992-5/2017);*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 378/TTr-STNMT ngày 21/7/ 2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này tiêu chí đánh giá, chấm điểm kết quả thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TU ngày 28/12/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 11/01/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Trà Vinh (đính kèm tiêu chí đánh giá).

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Định kỳ vào ngày 10 tháng 11 hàng năm, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là cấp xã) tiến hành tự đánh giá, chấm điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ “cải thiện cảnh quan, môi trường; chỉnh trang đô thị; đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; lập lại trật tự, an toàn giao thông” theo trách nhiệm và thẩm quyền quản lý gửi về Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi tắt cấp huyện) tổng hợp.

2. Định kỳ vào cuối tháng 11 hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức đánh giá, chấm điểm và công bố, công khai kết quả đánh giá, xếp loại của cấp xã; đồng thời, tiến hành tự đánh giá, chấm điểm kết quả thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TU và Kế hoạch số 01/KH-UBND thuộc thẩm quyền quản lý gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp.

3. Việc đánh giá, chấm điểm phải bảo đảm chính xác, công khai, dân chủ trên cơ sở đánh giá đúng kết quả triển khai thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TU, Kế hoạch số 01/KH-UBND của các đơn vị.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan hướng dẫn, thẩm định và tổ chức đánh giá, chấm điểm, xếp loại kết quả thực hiện của UBND cấp huyện báo cáo Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh. Định kỳ hàng năm, tham mưu UBND tỉnh xem xét, khen thưởng địa phương thực hiện tốt và kiểm điểm, phê bình địa phương, người đứng đầu địa phương còn nhiều hạn chế, chậm khắc phục trong triển khai thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TU, Kế hoạch số 01/KH-UBND.

5. Sở Xây dựng theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện của các địa phương về công tác quản lý trật tự xây dựng; hướng dẫn về trình tự, thủ tục thực hiện công nhận tuyến phố văn minh đô thị; phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định kết quả đánh giá, chấm điểm và xếp loại của các địa phương.


6. Sở Giao thông vận tải theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện của các địa phương về trật tự an toàn giao thông; phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, đánh giá kết quả chấm điểm và xếp loại của các địa phương.

7. Sở Y tế theo dõi, đánh giá, chấm điểm kết quả thực hiện của các địa phương về đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, đánh giá kết quả chấm điểm và xếp loại của các địa phương.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Ban, ngành tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường thị trấn và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 265/QĐ-UBND ngày 20/02/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- TT. TU, TT. HDND tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- LĐVP; các phòng;
- Lưu: VT, NN. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT, CHỦ TỊCH **

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Anh Dũng**

## Phụ lục 1

**TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHI THỊ SỐ 15-CT/TU  
VÀ KẾ HOẠCH SỐ 01/KH-UBND CỦA CẤP XÃ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2868/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*



Sst	Nội dung tiêu chí	Cách kiểm tra/vấn bản chứng minh	Điểm chuẩn	Điểm cơ quan, đơn vị tự chấm	Kết quả thẩm định	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Chỉ đạo, điều hành.</b>		<b>20 điểm</b>			
1	Có thành lập BCD/Tổ công tác (hoặc tương đương) thực hiện Chi thị số 15 và Kế hoạch số 01 trên địa bàn quản lý; có xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Chi thị số 15 và Kế hoạch số 01 (Kế hoạch thực hiện hàng tháng, quý, năm)	Kiểm tra Quyết định thành lập BCD, Tổ công tác; Kế hoạch triển khai thực hiện (Trường hợp địa phương chỉ xây dựng ban hành kế hoạch năm thì nội dung phải nêu nội dung thực hiện hàng tháng, quý, ...)	4			Mỗi trường hợp chưa thực hiện trừ 2 điểm
2	Báo cáo thực hiện Chi thị số 15 và Kế hoạch số 01 (báo cáo định kỳ hàng tuần, tháng, quý, năm; báo cáo đột xuất theo yêu cầu)	Kiểm tra báo cáo	16			Nếu báo cáo trễ hoặc báo cáo nội dung không đảm bảo yêu cầu thì mỗi kỳ trừ 1 điểm; không báo cáo thì mỗi kỳ trừ 2 điểm.
<b>II</b>	<b>Công tác tuyên truyền, vận động</b>		<b>20 điểm</b>			
1	Vận động người dân tham gia và thực hiện đúng quy định về cải thiện cảnh quan, môi trường; chỉnh trang đô thị; đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; lập lại trật tự, an toàn giao thông.	Khảo sát thực tế người dân trên địa bàn quản lý khoảng 20 người ngẫu nhiên (Theo mẫu Phiếu điều tra, khảo sát đính kèm Phụ lục này)	10			Tỉ lệ đạt dưới 90% trừ 01 điểm; dưới 80% trừ 02 điểm; dưới 70% trừ 03 điểm, dưới 60% trừ 04 điểm, dưới 50% trừ 05 điểm, ...
2	Cán bộ công chức, viên chức và người	Khảo sát thực tế cán bộ	10			Tỉ lệ đạt dưới 90% trừ 01

	lao động, người dân biết và tham gia thực hiện Chi thị số 15-CT/TU và Kế hoạch số 01/KH-UBND.	công chức, viên chức, người lao động và người dân trên địa bàn quản lý khoảng 20 người ngẫu nhiên (Theo mẫu Phiếu điều tra, khảo sát đính kèm Phụ lục này)			điểm; dưới 80% trừ 02 điểm; dưới 70% trừ 03 điểm, dưới 60% trừ 04 điểm, dưới 50% trừ 05 điểm, ...
<b>III</b>	<b>Tổ chức thực hiện</b>		<b>60 điểm</b>		
<b>1</b>	<b>Hành động cải thiện cảnh quan môi trường</b>		<b>25 điểm</b>		
1.1	Triển khai thực hiện, duy trì các hoạt động Ngày chủ nhật “Xanh – Sạch – Đẹp” tại địa phương	Kế hoạch thực hiện, Kiểm tra đột xuất	5		- Chưa thực hiện trừ 5 điểm; - Không duy trì thường xuyên các hoạt động trừ 3 điểm.
1.2	Kết quả thực hiện, duy trì các hoạt động BVMT tại các tuyến đường, khu vực chợ, khu dân cư, kênh mương,... (Rác thải được thu gom đảm bảo không rơi vãi; Lòong đường vỉa hè luôn sạch sẽ; không có rác thải trên lòng đường, vỉa hè, không có hiện tượng vứt rác bừa bãi, không đúng nơi quy định; Sông, ao, hồ, kênh, mương không ứ đọng rác thải sinh hoạt, xác gia súc, gia cầm; chai lọ thuốc bảo vệ thực vật; khu dân cư và khu vực chợ không ô nhiễm do rác thải, nước thải,...)	Kiểm tra thực tế (ghi hình ảnh) tại thời điểm kiểm tra và kết quả kiểm tra định kỳ của cơ quan có thẩm quyền trong kỳ đánh giá.	10		- Chưa duy trì thường xuyên các hoạt động, vẫn còn một số điểm VSMT chưa tốt, tập kết nhiều rác gây ô nhiễm, mất mỹ quan môi trường hợp trừ 2 điểm. - Đã được nhắc nhở nhiều lần vẫn tái ô nhiễm chưa có biện pháp để xử lý dứt điểm môi trường hợp trừ 3 điểm.
1.3	Có xây dựng tuyến đường Xanh – Sạch – Đẹp được công nhận và duy trì tốt; các hộ gia đình đã thực hiện cải tạo vườn, chỉnh trang hàng rào bằng cây xanh.	Quyết định công nhận tuyến đường; Kiểm tra thực tế (01 tuyến đường ngẫu nhiên)	5		Trường hợp thực hiện chưa đảm bảo trừ 50 % điểm
1.4	Tỉ lệ hộ chăn nuôi gia súc, gia cầm có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường ( $\geq 70\%$ ).	Kiểm tra danh sách hồ sơ cơ sở chăn nuôi kết hợp kiểm tra thực tế	5		Tỉ lệ dưới 70% trừ 50 % điểm

<b>2</b>	<b>Tình hình lập lại trật tự an toàn giao thông</b>								
2.1	Không có tình trạng lấn chiếm lòng đường, vỉa hè trong mua, bán, sản xuất, kinh doanh.	Kiểm tra thực tế	10 điểm						Mỗi trường hợp vi phạm trừ 01 điểm
2.2	Đường thông thoáng, không bị che khuất tầm nhìn do tán cây làm ảnh hưởng an toàn giao thông.	Kiểm tra thực tế	5						Mỗi trường hợp vi phạm trừ 01 điểm
<b>3</b>	<b>Công tác quản lý trật tự xây dựng và chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn</b>		<b>10 điểm</b>						
3.1	Không có biên hiệu quảng cáo, pa nô tuyên truyền sai quy định, treo che khuất tầm nhìn, nghiêng ngã, đổ gãy, không có hoạt động phát tờ rơi, dán quảng cáo lên cột đèn, điện); không có tình trạng xây cất công trình trái phép; lấn chiếm đất công trên địa bàn quản lý.	Kiểm tra thực tế	10						Mỗi trường hợp vi phạm trừ 01 điểm
<b>4</b>	<b>Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm</b>		<b>15 điểm</b>						
4.1	Điều kiện cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm phải bảo đảm an toàn thực phẩm.	Kiểm tra thực tế và kết quả kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền	5						- Mỗi trường hợp vi phạm trừ 01 điểm; - Mỗi trường hợp vi phạm có xử lý vi phạm hành chính trừ 1 điểm
4.2	Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thực hiện các thủ tục quy định về bảo đảm an toàn thực phẩm.	Kiểm tra hồ sơ, danh sách cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm có xác nhận của cơ quan quản lý	5						- Không cung cấp trừ 05 điểm. - Cung cấp không đầy đủ trừ 02 điểm
4.3	Không để xảy ra ngộ độc thực phẩm.	Kiểm tra báo cáo	5						Đề xảy ra ngộ độc thực phẩm trừ 02 điểm/vụ và trừ 05 điểm/2 vụ
	<b>TỔNG CỘNG:</b>		<b>100 điểm</b>						

\* Ghi chú: Mức điểm trừ tối đa cho từng nội dung tiêu chí là mức điểm chuẩn, không trừ đến điểm âm.

## Phụ lục 2

**TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 15-CT/TU  
VÀ KẾ HOẠCH SỐ 01/KH-UBND CỦA CẤP HUYỆN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2868/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*



Stt	Nội dung tiêu chí	Cách kiểm tra/văn bản chứng minh	Điểm chuẩn	Điểm cơ quan, đơn vị tự chấm	Kết quả thẩm định	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Chỉ đạo, điều hành.</b>		<b>20 điểm</b>			
1	Có thành lập BCD/Tổ công tác (hoặc tương đương) thực hiện Chỉ thị số 15 và Kế hoạch số 01 trên địa bàn quản lý; có xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 15 và Kế hoạch số 01 (Kế hoạch thực hiện hàng tháng, quý, năm)	Kiểm tra Quyết định thành lập BCD, Tổ công tác; Kế hoạch triển khai thực hiện (Trường hợp địa phương chỉ xây dựng ban hành kế hoạch năm thì nội dung phải nêu nội dung thực hiện hàng tháng, quý,...)	4			Mỗi trường hợp chưa thực hiện trừ 2 điểm
2	Báo cáo thực hiện Chỉ thị số 15 và Kế hoạch số 01 (báo cáo định kỳ hàng tuần, tháng, quý, năm; báo cáo đột xuất theo yêu cầu)	Kiểm tra báo cáo	16			Nếu báo cáo trễ hoặc báo cáo nội dung không đảm bảo yêu cầu thì mỗi kỳ trừ 01 điểm; không báo cáo thì mỗi kỳ trừ 02 điểm.
<b>II</b>	<b>Công tác tuyên truyền, vận động</b>		<b>20 điểm</b>			
1	Lắp đặt ba nô, áp phích	Kiểm tra thực tế (cơ quan cấp huyện khoảng 05 tuyến đường và cấp xã 02 tuyến đường ngẫu nhiên)	5			Mỗi tuyến đường chính, trục lộ phải có ít nhất 01 ba nô, áp phích (trường hợp chưa thực hiện trừ 1 điểm)
2	Tổ chức tuyên truyền (tập huấn, hội nghị, hội thảo,...)	Kiểm tra kế hoạch thực hiện và kết quả báo cáo	5			Trường hợp chưa thực hiện trừ 2 điểm
3		Khảo sát thực tế người	5			Tỉ lệ đạt dưới 90% trừ 01

	Cán bộ công chức, viên chức và người lao động, người dân biết và tham gia thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TU và Kế hoạch số 01/KH-UBND.	dân trên địa bàn quản lý khoảng 20 người ngẫu nhiên (Theo mẫu Phiếu điều tra, khảo sát đính kèm Phụ lục này)			điểm; dưới 80% trừ 02 điểm; dưới 70% trừ 03 điểm, dưới 60% trừ 04 điểm, dưới 50% trừ 05 điểm.
4	Vận động người dân tham gia và thực hiện đúng quy định về cải thiện cảnh quan, môi trường; chỉnh trang đô thị; đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; lập lại trật tự, an toàn giao thông	Khảo sát thực tế cán bộ công chức, viên chức, người lao động và người dân trên địa bàn quản lý khoảng 20 người ngẫu nhiên (Theo mẫu Phiếu điều tra, khảo sát đính kèm Phụ lục này)	5		Tỉ lệ đạt dưới 90% trừ 01 điểm; dưới 80% trừ 02 điểm; dưới 70% trừ 03 điểm, dưới 60% trừ 04 điểm, dưới 50% trừ 05 điểm.
<b>III</b>	<b>Tổ chức thực hiện</b>		<b>60 điểm</b>		
<b>1</b>	<b>Hành động cải thiện cảnh quan môi trường</b>		<b>25 điểm</b>		
1.1	Triển khai thực hiện, duy trì các hoạt động Ngày chủ nhật “Xanh – Sạch – Đẹp” tại địa phương	Kế hoạch thực hiện, Kiểm tra đột xuất	5		- Chưa thực hiện trừ 5 điểm; - Không duy trì thường xuyên các hoạt động trừ 3 điểm.
1.2	Kết quả thực hiện, duy trì các hoạt động BVMT tại các tuyến đường, khu vực chợ, khu dân cư, kênh mương,.. (Rác thải được thu gom đảm bảo không rơi vãi; Lòng đường via hè luôn sạch sẽ; không có rác thải trên lòng đường, via hè, không có hiện tượng vứt rác bừa bãi, không đúng nơi quy định; Sông, ao, hồ, kênh, mương không ứ đọng rác thải sinh hoạt, xác gia súc, gia cầm; chai lọ thuốc bảo vệ thực vật; khu dân cư và khu vực chợ không ô	Kiểm tra thực tế (ghi hình ảnh)	10		- Chưa duy trì thường xuyên các hoạt động, vẫn còn một số điểm VSMT chưa tốt, tập kết nhiều rác gây ô nhiễm, mất mỹ quan môi trường hợp trừ 2 điểm. - Đã được nhắc nhở nhiều lần vẫn tái ô nhiễm chưa có biện pháp để xử lý dứt điểm môi trường hợp trừ 3 điểm.

	<i>nhiệm do rác thải, nước thải, ...)</i>						
1.	Có xây dựng tuyến đường Xanh – Sạch – Đẹp được công nhận và duy trì tốt; các hộ gia đình đã thực hiện cải tạo vườn, chỉnh trang hàng rào bằng cây xanh.	Quyết định công nhận tuyến đường; Kiểm tra thực tế (04 tuyến đường ngẫu nhiên)	5			Thực hiện chưa đảm bảo trừ 1 điểm/tuyến đường	
3	Tỉ lệ hộ chăn nuôi gia súc, gia cầm có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường ( $\geq 70\%$ ).	Kiểm tra danh sách hồ sơ cơ sở chăn nuôi kết hợp kiểm tra thực tế	5			Tỉ lệ dưới 70% trừ 1 điểm	
<b>2</b>	<b>Tình hình lập lại trật tự an toàn giao thông</b>		<b>10 điểm</b>				
2.	Không có tình trạng lấn chiếm lòng đường, vỉa hè trong mua, bán, sản xuất, kinh doanh.	Kiểm tra thực tế	4			Mỗi trường hợp vi phạm trừ 01 điểm	
2.	Đường thông thoáng, không bị che khuất tầm nhìn do tán cây làm ảnh hưởng an toàn giao thông.	Kiểm tra thực tế	3			Mỗi trường hợp vi phạm trừ 01 điểm	
2.	Các vị trí khu vực xung quanh bên xe, bãi đỗ xe, bến tàu, phà; các đơn vị, hộ kinh doanh chung tay dọn dẹp vệ sinh đảm bảo sạch.	Kiểm tra thực tế	3			Mỗi trường hợp vi phạm trừ 01 điểm	
<b>3</b>	<b>Công tác quản lý trật tự xây dựng và chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn</b>		<b>10 điểm</b>				
3.	Tỉ lệ công trình xây dựng, nhà ở được cấp giấy phép xây dựng theo quy định, phù hợp quy hoạch trên địa bàn đảm bảo mỹ quan, văn minh đô thị; không có tình trạng xây cất công trình trái phép; lấn chiếm đất công trên địa bàn quản lý.	Kiểm tra thông tin từ phòng kinh tế - Hạ tầng/quản lý đô thị, kiểm tra thực tế ngẫu nhiên 10 trường hợp.	5			Mỗi trường hợp vi phạm trừ 1 điểm	
3.	Cột cờ, hàng rào nhà dân chỉnh trang thẩm mỹ	Kiểm tra thực tế	2			Mỗi trường hợp vi phạm trừ 1 điểm	
3.	Không có biển hiệu quảng cáo, pa nô tuyên truyền sai quy định, treo che khuất tầm nhìn, nghiêng ngã, đổ gãy, không có	Kiểm tra thực tế	3			Mỗi trường hợp vi phạm trừ 1 điểm	

	hoạt động phát tờ rơi, dán quảng cáo lên cột đèn, điện.					
<b>4</b>	<b>Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm</b>		<b>15 điểm</b>			
4.1	Điều kiện cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm phải bảo đảm an toàn thực phẩm.	Kiểm tra thực tế và kết quả kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền	5			- Môi trường hợp vệ sinh trừ 1 điểm - Môi trường hợp vệ sinh có xử lý vệ sinh hành chính trừ 1 điểm
4.2	Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thực hiện các thủ tục quy định về bảo đảm an toàn thực phẩm.	Kiểm tra hồ sơ, danh sách cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm có xác nhận của cơ quan quản lý	5			- Không cung cấp trừ 05 điểm. - Cung cấp không đầy đủ trừ 2 điểm
4.3	Không để xảy ra ngộ độc thực phẩm.	Kiểm tra báo cáo	5			Đề xảy ra ngộ độc thực phẩm trừ 02 điểm/vụ và trừ 05 điểm/2 vụ
	<b>TỔNG CỘNG:</b>		<b>100 điểm</b>			

\* Ghi chú: Mức điểm trừ tối đa cho từng nội dung tiêu chí là mức điểm chuẩn, không trừ đến điểm âm.